TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỂU-TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 104/2022/HS-ST
Ngày 18.11.2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Khanh

Ông Nguyễn Văn Cơ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 104/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T - Sinh ngày 20 tháng 3 năm 1994 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Tổ 7, thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N (*Sinh năm 1963*) và bà Bùi Thị V (*Sinh năm 1965*); có vợ là Nguyễn Thuý Q (*Sinh năm 1993*) và 02 con (*Sinh năm 2013 và 2020*); tiền án, tiền sự: Chưa; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (*Có mặt*).

- *Bị hại:* Chị Lê Thị H - sinh năm 1997; nơi ĐKNKTT: Tổ 66, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hoà Sơn - Công an TP.Đà Nẵng*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01 năm 2013, Nguyễn Văn T có quen biết, nảy sinh tình cảm yêu đương với chị Lê Thị H (*Sinh ngày 25 tháng 10 năm 1997*) và cả hai đã thuận tình quan hệ tình dục 01 (*Một*) lần ở nhà của gia đình H tại địa chỉ tổ 66, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng làm H có thai và sinh con ngày 30 tháng 9 năm 2013, đặt tên là Nguyễn Tuấn Khanh. Sau đó, gia đình hai bên đã tổ chức lễ cưới; đến ngày 03 tháng 11 năm 2014, T và chị H đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Hoà Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng. Do cuộc sống gia đình có nhiều mâu thuẫn nên T và chị H đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 54/2015/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Toà án nhân dân quận Liên Chiểu. Sau khi ly hôn, T trực tiếp nuôi con Nguyễn Tuấn Khanh, bị khuyết tật bẩm sinh về tâm thần, cho đến nay.

Ngày 13 tháng 10 năm 2020, chị H đã bị Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma tuý và tội phạm miền Trung bắt quả tang về hành vi vận chuyển trái phép chất ma tuý. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Đà Nẵng, H khai nhận sự việc trên.

Tại Kết luận giám định số 609/C09C-DD3 ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Đà Nẵng, kết luận: Cháu Nguyễn Tuấn Khanh là con đẻ của Lê Thị H và Nguyễn Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu.

Tại Cáo trạng số 107/CT-VKS ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" theo điểm d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 145; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, cho hưởng án treo về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi". Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đề cập đến.

Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đã truy tố và không có ý kiến tranh luận với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Bị hại - chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên toà, có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin được hưởng mức án treo để ở nhà chữa bệnh cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận:

Vào khoảng tháng 01 năm 2013, tại nhà của gia đình chị Lê Thị H tại tổ 66, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, do có quan hệ tình cảm yêu đương với nhau nên Nguyễn Văn T đã 01 (*Một*) lần giao cấu thuận tình với chị Lê Thị H - sinh ngày 25 tháng 10 năm 1997, là trẻ từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (*15 tuổi 02 tháng 06 ngày*); dẫn đến chị H có thai và ngày 30 tháng 9 năm 2013 đã sinh con, là con đẻ của Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với nội dung của bản cáo trạng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cở sở kết luận:

Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt "Làm nạn nhân có thai" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 107/CT-VKS ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Bị cáo đã đủ 18 tuổi, đã lợi dụng sự non nớt của bị hại, là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, chưa nhận thức được H quả do hành vi xâm hại của bị cáo gây ra, đã giao cấu với bị hại, dẫn đến có thai. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác; ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển tâm sinh lý, tương lai của trẻ em; ảnh hưởng tới thuần phong mỹ tục của dân tộc, gây dư luận xấu trong nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục đối với bị

[4] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi chị H có thai, bị cáo đã chăm lo ăn uống, sức khoẻ, đưa chị H đi khám thai, tổ chức lễ cưới và đăng kí kết hôn, trực tiếp nuôi con. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Sau khi chị H có thai, bị cáo và chị H đã chung sống và làm thủ tục đăng kí kết hôn. Sau ly hôn với chị H, bị cáo trực tiếp nuôi dưỡng con chung bị khuyết tật bẩm sinh về tâm thần. Trong khi, chị H hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hoà Sơn. Xét không cần thiết chấp hành hình phạt tù, Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo tác dụng giáo dục.

[6] Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị là phù hợp với nhân thân, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên không đề cập.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi".

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 145; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 03 (*Ba*) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (*Năm*) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Hoà Liên, huyện Hoà Vang, TP. Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- Công an quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA. quận Liên Chiểu;
- Trại giam Công an TP.Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP.Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy